TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 03 /2022/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 1 năm 2022
V/v*:" Hôn nhân và gia đình"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Bà Phùng Thị Kim Nguyên**;

Các hội thẩm nhân dân : **1. Bà Hà Thị Loan**

2. Ông Hà Quốc Tuấn

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: **Bà Nguyễn Thị Đào** - cán bộ Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông Vũ Anh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 1 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2021/TLST - HNGĐ ngày 19/8/2021 về việc "Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2021/QĐST - HNGĐ, ngày 31/12/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 118/2022/QĐHPT - HNGĐ, ngày 17/01/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Thu H**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú, Phố V, TT. T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh **Nguyễn Tiến Đ**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Khu 6, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Tiến Đ đăng ký kết hôn ngày 21/12/2009 tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn có được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn vợ chồng chị về chung sống cùng mẹ đẻ anh Đ ở khu 6, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Trong cuộc sống hôn nhân tình

cảm vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lối sống và cách sống, anh Đ chơi bời không quan tâm đến vợ con, chị có khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Đ không thay đổi. Đến năm 2017 thì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng hơn, anh Đ đã ngoại tình, chị cùng con chuyển vào sống tại ký túc của trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú, Phố V, TT. T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 5/2017 cho đến nay. Trong quá trình sống ly thân hai bên không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, sống với nhau không có hạnh phúc, cuộc sống chung không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Tiến Đ.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Tiến Đ có 01 con chung là cháu Nguyễn Tiến P, sinh ngày 01/03/2013. Cháu P hiện đang sống với chị và đang theo học lớp 3A trường tiểu học Nguyễn Bá Ngọc, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Khi ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi con chung và chị tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung: Chị Trần Thị Thu H xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về công nợ: Chị Trần Thị Thu H xác định vợ chồng không có công nợ nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về công sức: Chị Trần Thị Thu H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Phía bị đơn: Anh Nguyễn Tiến Đ Hiện có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 6, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ và lấy lời khai của bà Đào Thị L (mẹ đẻ anh Đ) và Biên bản xác minh thể hiện anh Đ có hộ khẩu thường trú tại khu 6, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

3. Tại bản tự khai ngày 15/11/2021 của bà Đào Thị L (mẹ đẻ anh Đ) trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Tiến Đ và là mẹ chồng của chị Trần Thị Thu H, anh Đ và chị H có được tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn ngày 21/12/2009 tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Anh Đ và chị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 6, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn anh Đ và chị H về sống cùng bà tại khu 6, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Trong quá trình chung sống anh Đ và chị H hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lối sống và cách sống không hợp nhau. Đến năm 2017 thì chị H cùng con chuyển vào sống tại ký túc của trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú, Phố V, TT. T, huyện T, tỉnh Phú Thọ từ đó cho đến nay. Hai

bên đã sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị H xin ly hôn anh Đ thì bà đề nghị tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Tòa án đã gửi các giấy báo cùng các văn bản tố tụng cho anh Đ đến Tòa án làm việc thì bà đã nhận được đầy đủ và thông báo cho anh Đ, nhưng anh Đ đang đi làm ăn ở Hà Nội và do dịch nên không về được chỉ liên lạc điện thoại về nhà, nên không đến Tòa án làm việc được. Nhưng quan điểm của anh Đ nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị H.

Về con chung: Anh Đ và chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Tiến P, sinh ngày 01/03/2013. Cháu P hiện đang sống với chị H và đang theo học lớp 3A trường tiểu học Nguyễn Bá N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Nếu ly hôn bà Đào Thị L (mẹ đẻ anh Đ) và anh Đ đề nghị tòa án giao con chung cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo cuộc sống và học hành của cháu được ổn định.

Về tài sản chung; công nợ; công sức: Chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Tiến Đ không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Tại biên bản xác minh ngày 15/11/2021 tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ cung cấp như sau: Chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Tiến Đ được tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 21/12/2009 tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Anh Đ và chị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 6, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ cùng với mẹ đẻ anh Đ, cuộc sống hôn nhân của anh Đ và chị H hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng ghen tuông lẫn nhau và thường cãi vã. Đến năm 2017 thì chị H chuyển vào sống tại ký túc của trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú, Phố V, TT. T, huyện T, tỉnh Phú Thọ sống từ đó cho đến nay không ở xã H nữa. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh Đ thì quan điểm địa phương đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị H và anh Đ có 01 con chung là cháu Nguyễn Tiến P, sinh ngày 01/03/2013. Cháu P hiện đang sống với chị H. Khi chị H và anh Đ ly hôn địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho con chung.

5. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì, và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội.

Xử: Cho chị Trần Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Tiến Đ.

Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Thu H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Tiến P, sinh ngày 01/03/2013, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: Chị H không đề nghị giải quyết do vậy không giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị Thu H phải xin chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: chị Trần Thị Thu H xin được ly hôn với anh Nguyễn Tiến Đ. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Cả nguyên đơn và bị đơn đều có hộ khẩu thường trú tại khu 6, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

[1.3] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn chị Trần Thị Thu H có đơn xin được xét xử vắng mặt anh Nguyễn Tiến Đ đã được Toà án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên toà nhưng anh Đ vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện T tiến hành đưa vụ án xét xử vắng mặt chị H và anh Đ.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Tiến Đ đăng ký kết hôn ngày 21/12/2009 tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Trước

khi kết hôn có được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống cùng mẹ đẻ anh Đ ở khu 6, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Tình cảm vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lối sống và cách sống, anh Đ chơi bời không quan tâm đến vợ con, chị H có khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Đ không thay đổi. Đến năm 2017 thì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng hơn, anh Đ ngoại tình, nên chị H cùng con chuyển vào sống tại ký túc của trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú, Phố V, TT. T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 5/2017 cho đến nay, trong quá trình sống ly thân hai bên không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Tiến Đ. Xét yêu cầu của chị H là hoàn toàn có căn cứ, nên cần xử cho chị H được ly hôn anh Đ là phù hợp với khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Tiến Đ có 01 con chung là cháu Nguyễn Tiến P, sinh ngày 01/03/2013. Cháu P hiện đang ở với chị H và đang theo học lớp 3A trường tiểu học Nguyễn Bá N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Khi ly hôn, chị H xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chị tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, hiện tại chị đang là giao viên trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú, Phố V, TT. T, huyện T, tỉnh Phú Thọ với mức lương hàng tháng là 8.592.300 đồng (Tám triệu năm trăm chín mươi hai nghìn đồng) và nguyện vọng của Cháu P cũng xin được ở với chị H. Hơn nữa phía gia đình anh Đ bà Đào Thị L (mẹ đẻ anh Đ) và anh Đ cũng đề nghị tòa án giao con chung cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo cuộc sống và học hành của cháu được ổn định. Vì vậy, cần giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung: Chị H và anh Đ không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị H và anh Đ không có nợ chung, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[2.5] Về công sức: Chị H và anh Đ xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết xét thấy là phù hợp.

[2.4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị Thu H phải xin chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Luật phí và lệ phí. Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Cho chị Trần Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Tiến Đ.

[1] Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Thu H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Tiến P, sinh ngày 01/03/2013. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H vì chị H tự nguyện không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[2] Về tài sản chung: Chị H và anh Đ không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[3] Về nợ chung: Chị H và anh Đ không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về công sức: Chị H và anh Đ xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị Thu H phải xin chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2020/0003074 ngày 19/8/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án, để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND H. T;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ toạ phiên tòa

Phùng Thị Kim Nguyên